

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

1. Thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 với mã số thuế doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/8/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xuất bản sách bổ trợ, sách tham khảo, lịch và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

Tên tiếng anh: DANANG EDUCATION INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: DEIDCO.

Mã chứng khoán: DAD.

Trụ sở chính: Số 145 Lê Lợi, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Lê Hoàng Hải	Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Quang Dũng	Phó Chủ tịch	
Bà	Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	
Ông	Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	
Ông	Hồ Văn Lĩnh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/3/2018
Bà	Lê Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/3/2018

Ban Kiểm soát

Ông	Hồ Phú Cường	Trưởng ban
Ông	Đặng Công Đức	Thành viên
Bà	Hồ Đoàn Thiên Kim	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Phước Chương	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Lê Ngọc	Kế toán trưởng

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán kết từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018. Trong việc soạn lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

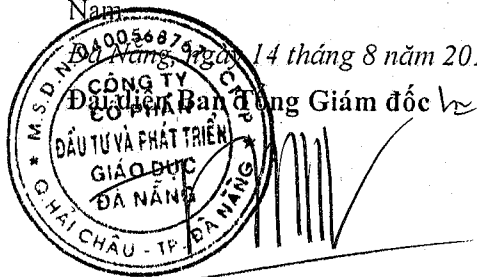
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

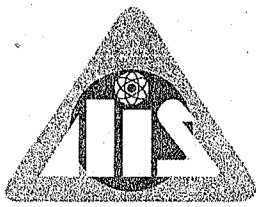
Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng



Số: 180633/BCSX-AISHN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13/8/2018, từ trang 04 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH**



Đào Tiên Đạt

Số Giấy CNDKHNKT: 0078-2018-005-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.941.948.790	62.527.636.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.155.581.664	14.989.732.651
1. Tiền	111		1.155.581.664	1.468.732.651
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	13.521.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	334.500.000	408.545.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		408.545.000	408.545.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(74.045.000)	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.612.742.189	18.430.479.053
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	46.086.710.963	13.933.375.656
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	290.790.138	4.895.440.098
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	444.065.756	531.968.396
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.625.051.909)	(1.346.532.338)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	416.227.241	416.227.241
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	27.703.099.752	25.614.144.832
1. Hàng tồn kho	141		29.044.325.302	28.976.470.070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.341.225.550)	(3.362.325.238)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.136.025.185	3.084.735.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.136.025.185	2.065.332.581
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	0	1.019.402.667
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.264.235.900	32.156.394.937
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		18.088.619.497	18.478.926.576
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	10.283.054.286	10.664.859.365
<i>Nguyên giá</i>	222		16.676.770.394	16.676.770.394
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.393.716.108)	(6.011.911.029)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.805.565.211	7.814.067.211
- <i>Nguyên giá</i>	228		7.884.999.000	7.884.999.000
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(79.433.789)	(70.931.789)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	12.558.548.181	13.025.798.181
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.227.750.000	13.227.750.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.118.701.819)	(5.651.451.819)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		617.068.222	651.670.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	617.068.222	651.670.180
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		109.206.184.690	94.684.031.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

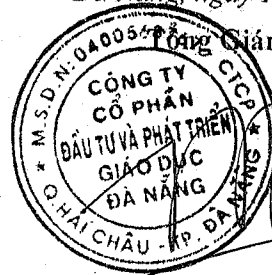
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		29.192.245.445	16.619.413.109
I. Nợ ngắn hạn	310		29.192.245.445	16.619.413.109
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	13.348.115.244	3.321.365.588
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	567.796.742	1.581.833.157
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	2.360.974.798	294.478.266
4. Phải trả người lao động	314		6.235.700.011	1.101.528.784
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.666.804.036	4.240.398.521
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	24.720.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	177.813.947	1.420.352.721
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	0	4.746.827.700
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.835.040.667	(112.091.628)
II. Nợ dài hạn	330		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	80.013.939.245	78.064.618.612
I. Vốn chủ sở hữu	410		80.013.939.245	78.064.618.612
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
2. Cổ phiếu quỹ	415		(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.468.315.531	5.811.643.939
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.452.984.681	25.160.335.640
- LNST chưa phân phối LK đến CK trước	<i>421a</i>		<i>15.946.239.209</i>	<i>17.804.456.257</i>
- LNST chưa phân phối kỳ này	<i>421b</i>		<i>10.506.745.472</i>	<i>7.355.879.383</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		109.206.184.690	94.684.031.721

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc



Nguyễn Hà Khiêm

Lê Ngọc

Nguyễn Quang Dũng

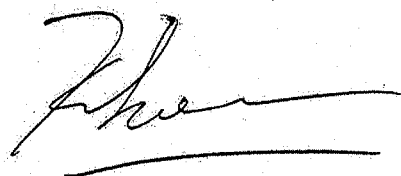
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
 Quý II năm 2018

Đơn vị tính: đồng

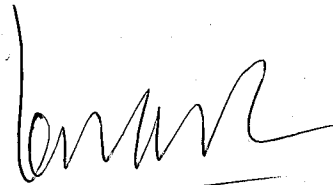
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	67.106.636.166	76.515.822.764	92.428.620.215	93.068.596.348
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.232.654.546	2.475.710.570	1.671.652.870	3.136.411.571
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	65.873.981.620	74.040.112.194	90.756.967.345	89.932.184.777
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	38.325.577.303	46.392.643.070	58.718.037.072	59.491.370.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.548.404.317	27.647.469.124	32.038.930.273	30.440.814.699
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	434.340.195	479.759.742	673.477.366	699.922.494
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	758.500.549	594.022.519	956.113.943	850.631.307
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		195.497.449	229.748.656	393.110.843	486.357.444
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	7.081.498.056	6.283.189.171	8.517.346.544	6.985.284.427
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	6.365.711.497	5.784.160.950	8.213.436.074	7.340.794.408
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.777.034.410	15.465.856.226	15.025.511.078	15.964.027.051
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.461.006.595	152	1.461.007.155	152
12. Chi phí khác	32	VI.9	38.953	0	47.468	0
13. Lợi nhuận khác	40		1.460.967.642	152	1.460.959.687	152
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.238.002.052	15.465.856.378	16.486.470.765	15.964.027.203
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	2.993.247.410	3.054.159.386	3.353.038.925	3.208.521.416
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.244.754.642	12.411.696.992	13.133.431.840	12.755.505.787
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.233,87	2.024,57	2.395,99	2.080,65
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	2.233,87	2.024,57	2.395,99	2.080,65

Người lập biểu



Nguyễn Hà Khiêm

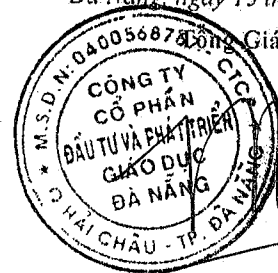
Kế toán trưởng



Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Giám đốc



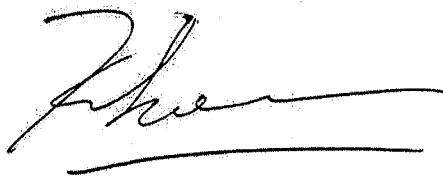
Nguyễn Quang Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý II năm 2018

Đơn vị tính: đồng

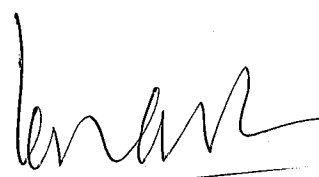
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Thu tiền từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	48.341.521.176	52.011.106.231
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(39.211.165.627)	(47.692.473.854)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.025.061.196)	(3.390.799.026)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(396.275.395)	(481.191.112)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	0	(14.996.035)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.516.809.096	311.385.214
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.544.495.890)	(4.068.436.195)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(318.667.836)	(3.325.404.777)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	0	(39.800.000)
2.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	3.000.000.000
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	617.904.549	457.922.494
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	617.904.549	3.418.122.494
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	37.005.905.788	30.250.172.870
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(41.752.733.488)	(29.600.001.235)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.386.560.000)	(7.920.640.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.133.387.700)	(7.270.468.365)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.834.150.987)	(7.177.750.648)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.989.732.651	11.459.384.182
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.155.581.664	4.281.633.534

Người lập biểu



Nguyễn Hà Khiêm

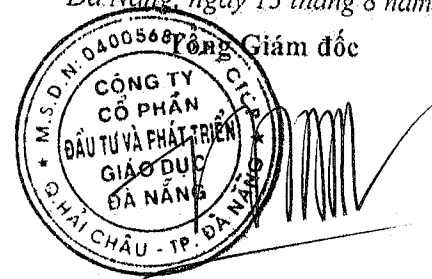
Kế toán trưởng



Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Quang Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 với mã số thuế doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/8/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: **50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)**.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xuất bản sách bổ trợ, sách tham khảo, lịch và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: Tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức, liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 30/6/2018: 42 nhân viên (Ngày 01/01/2018: 43 nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại các ngân hàng đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn thu hồi còn lại dưới 03 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo giá bia của từng loại sách thành phẩm phát sinh.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau

Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
Tài sản cố định vô hình khác: Website	05 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ; công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ....

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng (ngoại trừ chi phí thuê đất).

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 " Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: phí tổ chức bán thảo, phí bán quyền; chi phí hoa hồng môi giới...

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

30
H N
G
M
H
H
9U

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào Điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác", bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành của sản phẩm sản xuất đã bán trong kỳ.

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư; chiết khấu thanh toán,...

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển, nhiên liệu, khấu hao phương tiện vận tải...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận. Năm 2018, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các khoản thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và các khoản phải thu khác.

20. Công cụ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng các mức 10%, 5% và không chịu thuế cho từng loại mặt hàng theo quy định hiện hành.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	01/01/2018
Tiền mặt tại quỹ	81.478.830	77.855.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.074.102.834	1.390.877.651
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	473.028.779	12.485.801
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	382.114.594	427.290.127
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	40.270.979	18.111.933
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Đà Nẵng	90.212.665	687.664.108
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	67.791.502	212.554.884
Ngân hàng Liên danh Việt - Nga - Chi nhánh Đà Nẵng	13.623.514	12.765.812
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	7.060.801	20.004.986
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	13.521.000.000
Ngân hàng Liên danh Việt - Nga - Chi nhánh Đà Nẵng (*)	1.000.000.000	10.021.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	0	3.500.000.000
Cộng	2.155.581.664	14.989.732.651

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/6/2018 là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng từ ngày 02/5/2018 tại Ngân hàng TMCP Liên danh Việt - Nga - Chi nhánh Đà Nẵng, lãi suất 5,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954 Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. Chứng khoán kinh doanh

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a1. Tổng giá trị cổ phiếu	408.545.000	334.500.000	408.545.000	465.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Tp. Hồ Chí Minh (STC)	408.545.000	334.500.000	408.545.000	465.000.000
Cộng	408.545.000	334.500.000	408.545.000	465.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	0	5.449.500.000
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng (IDN) (*)	20,00%	2.530.000.000	0	2.530.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB) (*)	25,92%	2.919.500.000	0	2.919.500.000
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.227.750.000	(6.118.701.819)	7.109.048.181
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng (*)	8,76%	350.000.000	0	350.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (SMN)	2,27%	1.000.000.000	0	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	8,59%	8.877.750.000	(6.074.250.000)	2.803.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (**)	2,76%	3.000.000.000	(44.451.819)	2.955.548.181
Cộng		18.677.250.000	(6.118.701.819)	12.558.548.181

(*) Công ty đang xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại các Công ty bao gồm Công ty niêm yết và chưa niêm yết dựa vào Báo cáo tài chính của các Công ty này cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2018.

(**) Tại ngày 30/6/2018, Công ty đang trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết:

+ Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng (IDN)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 17/01/2005, điều chỉnh lần thứ 06 ngày 18/5/2015, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng là 11.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/6/2018, Công ty đã đầu tư 2.530.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng, tương đương 220.000 cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ (số đầu kỳ là 2.530.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ).

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng là phải trả về công in và phải thu về cổ tức.

+ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 02/7/2007, điều chỉnh lần thứ 07 ngày 08/6/2016, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB) là 11.264.740.000 đồng. Tại ngày 30/6/2018, Công ty đã đầu tư 2.919.500.000 đồng vào Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB), tương đương 291.950 cổ phiếu chiếm 25,92% vốn điều lệ (số đầu kỳ là 2.919.500.000 đồng, tương đương 25,92% vốn điều lệ).

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định là phải thu về bán sách.

3. Phải thu của khách hàng

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	46.086.710.963	(1.625.051.909)	13.933.375.656	(1.346.532.338)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	5.287.660.045	0	1.110.509.550	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Ngãi	4.181.759.996	0	1.324.718.818	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Định	4.062.248.251	0	188.731.491	0
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quảng Nam	3.912.557.584	0	1.768.088.186	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Gia Lai	3.732.985.345	0	876.998.487	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng	3.231.612.338	0	87.553.922	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	3.057.598.080	0	0	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thừa Thiên Huế	2.848.206.470	0	0	0
Công ty TNHH Sách - Văn hóa Thời đại	2.152.795.760	0	222.763.589	0
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Giáo dục Phước Lộc	1.225.377.748	0	128.032.243	0
Phải thu các khách hàng khác	12.393.909.346	(1.625.051.909)	8.225.979.370	(1.346.532.338)
Cộng	46.086.710.963	(1.625.051.909)	13.933.375.656	(1.346.532.338)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Phải thu của khách hàng (tiếp theo)

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem tại mục VIII.2 của thuyết minh này.

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	290.790.138	0	4.895.440.098	0
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	156.470.500	0	20.237.000	0
Công ty TNHH Nguyên Huy	37.689.286	0	0	0
Công ty TNHH MTV In Nhân dân Bình Định	0	0	1.292.423.755	0
Công ty Cổ phần Giấy Phụng Vĩnh Hưng	0	0	897.368.815	0
Công ty Cổ phần In và Sản xuất Bao bì Huế	0	0	831.835.877	0
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế	0	0	776.589.089	0
Trả trước cho các người bán khác	96.630.352	0	1.076.985.562	0
Cộng	290.790.138	0	4.895.440.098	0

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Xem tại mục VIII.2 của thuyết minh này.

5. Phải thu khác

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	444.065.756	0	531.968.396	0
Tạm ứng	89.459.691	0	337.466.162	0
Lê Diễm Hùng	40.000.000	0	20.199.600	0
Hoàng Quốc Hiệp	31.946.000	0	1.454.558	0
Huyền Hoàng Phương	29.867.000	0	0	0
Hồ Đăng Minh	12.499.569	0	45.706.511	0
Các đối tượng tạm ứng khác	76.960.122	0	291.759.651	0
Phải thu ngắn hạn khác	252.793.065	0	172.848.076	0
Thanh lý sách giáo dục có nội dung lạc hậu	145.165.300	0	0	0
Doanh thu cho thuê kho với Công ty TNHH Crown Worldwide	98.880.000	0	0	0
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	8.747.765	0	0	0
Phải thu khác	0	0	172.848.076	0
Cộng	444.065.756	0	531.968.396	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. Nợ xấu

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	743.400.461	0	737.512.021	0
<i>Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hoá</i>	297.228.368	0	348.401.568	0
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Sách - Thiết bị Thành Phát</i>	271.850.175	0	212.039.775	0
<i>Nhà sách Minh Đức</i>	53.597.832	0	54.597.832	0
<i>Siêu thị Quảng Ngãi</i>	30.739.290	0	30.739.290	0
<i>Siêu thị sách Nguyễn Văn Cừ - Quảng Nam</i>	25.582.026	0	25.582.026	0
<i>Các khách hàng khác</i>	64.402.770	0	66.151.530	0
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm	49.692.720	14.907.816	237.033.120	71.109.936
<i>Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hoá</i>	49.692.720	14.907.816	151.468.320	45.440.496
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Sách - Thiết bị Thành Phát</i>	0	0	59.810.400	17.943.120
<i>Công ty Cổ phần Phát hành Sách Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm sách Nguyễn Huệ</i>	0	0	23.017.800	6.905.340
<i>Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Quận Cẩm Lệ</i>	0	0	2.736.600	820.980
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm	800.594.431	400.297.216	568.308.648	284.154.324
<i>Nhà sách Việt Lý</i>	204.097.192	102.048.596	168.898.792	84.449.396
<i>Công ty Cổ phần Quảng cáo và Dịch vụ Văn hóa Đà Nẵng</i>	185.840.000	92.920.000	0	0
<i>Công ty TNHH Tân Minh</i>	108.376.240	54.188.120	91.187.240	45.593.620
<i>Công ty Cổ phần Phát hành Sách Hà Tĩnh</i>	103.083.803	51.541.902	0	0
<i>Các khách hàng khác</i>	199.197.196	99.598.598	308.222.616	154.111.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. Nợ xấu (tiếp theo)

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.488.564.429	1.041.995.100	529.809.364	370.866.555
<i>Nhà sách Việt Lý</i>	635.733.900	445.013.730	35.198.400	24.638.880
<i>Công ty Cổ phần Gia Lai CTC</i>	277.071.493	193.950.045	70.599.993	49.419.995
<i>Công ty Cổ phần Phát hành Sách Nghệ An</i>	106.109.120	74.276.384	0	0
<i>Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Đắk Lắk</i>	157.074.390	109.952.073	0	0
<i>Công ty Cổ phần Quảng cáo và Dịch vụ Văn hóa Đà Nẵng</i>	0	0	185.840.000	130.088.000
<i>Các khách hàng khác</i>	312.575.526	218.802.868	238.170.971	166.719.680
Cộng	3.082.252.041	1.457.200.132	2.072.663.153	726.130.815

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/6/2018	01/01/2018
Các loại sách kiểm kê thiếu	416.227.241	416.227.241
Cộng	416.227.241	416.227.241

8. Hàng tồn kho

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.789.391.322	0	1.413.077.011	0
Chi phí SXKD dở dang	11.569.634.256	0	11.259.104.309	0
Thành phẩm	15.685.299.724	(1.341.225.550)	16.304.288.750	(3.362.325.238)
Cộng	29.044.325.302	(1.341.225.550)	28.976.470.070	(3.362.325.238)

9. Chi phí trả trước

	30/6/2018	01/01/2018
a. Ngắn hạn	2.136.025.185	2.065.332.581
Thuế GTGT không được khấu trừ còn phải phân bổ cho hàng tồn kho	2.086.644.881	2.065.014.400
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	49.380.304	318.181
b. Dài hạn	617.068.222	651.670.180
Chi phí thuê đất KCN Hòa Cẩm (*)	617.068.222	651.670.180
Cộng	2.753.093.407	2.717.002.761

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Cẩm từ Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/9/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/5/2027.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2018		01/01/2018	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ
Thuế giá trị gia tăng	13.208.750	0	666.009.123	689.565.652
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.333.636.258	0	3.353.038.925	0
Thuế thu nhập các nhân	14.129.790	0	264.096.984	507.680.181
Các loại thuế khác	0	0	3.000.000	3.000.000
Cộng	2.360.974.798	0	4.286.145.032	1.200.245.833
			Phải nộp	Phải thu
			36.765.279	0
			0	1.019.402.667
			257.712.987	0
			0	0
			294.478.266	1.019.402.667

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	14.823.396.303	1.470.960.000	382.414.091	16.676.770.394
Tại ngày 30/6/2018	14.823.396.303	1.470.960.000	382.414.091	16.676.770.394
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	4.158.536.938	1.470.960.000	382.414.091	6.011.911.029
Khấu hao trong kỳ	381.805.079	0	0	381.805.079
Tại ngày 30/6/2018	4.540.342.017	1.470.960.000	382.414.091	6.393.716.108
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	10.664.859.365	0	0	10.664.859.365
Tại ngày 30/6/2018	10.283.054.286	0	0	10.283.054.286

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.853.374.091 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2018	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
Tại ngày 30/6/2018	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2018	0	70.931.789	70.931.789
Khấu hao trong kỳ	0	8.502.000	8.502.000
Tại ngày 30/6/2018	0	79.433.789	79.433.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	7.799.999.000	14.068.211	7.814.067.211
Tại ngày 30/6/2018	7.799.999.000	5.566.211	7.805.565.211

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***13. Phải trả người bán**

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	13.348.115.244	13.348.115.244	3.321.365.588	3.321.365.588
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	3.330.300.578	3.330.300.578	319.224.024	319.224.024
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết và Dịch vụ In Đà Nẵng - Xí nghiệp in tổng hợp	2.055.984.485	2.055.984.485	0	0
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.684.017.976	1.684.017.976	808.102.561	808.102.561
Công ty TNHH MTV In Nhân dân Bình Định	1.198.441.942	1.198.441.942	0	0
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	610.011.175	610.011.175	389.748.184	389.748.184
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	329.080.307	329.080.307	378.657.883	378.657.883
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam	207.200.000	207.200.000	407.200.000	407.200.000
Công ty Cổ phần SOFTECH	206.606.500	206.606.500	576.406.500	576.406.500
Phải trả các đối tượng khác	3.726.472.281	3.726.472.281	442.026.436	442.026.436
Cộng	13.348.115.244	13.348.115.244	3.321.365.588	3.321.365.588

d. Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem tại mục VIII.2 của thuyết minh này.

14. Người mua trả tiền trước

	30/6/2018	01/01/2018
	a. Ngắn hạn	567.796.742
Công ty TNHH CROWN WORLDWIDE	316.800.000	316.800.000
Công ty TNHH Một thành viên Kì Do	139.867.650	139.867.650
Công ty Cổ phần In - Đầu tư Phát triển Giáo dục Gia Lai	105.404.650	688.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	0	969.565.363
Các đối tượng khác	5.724.442	154.911.644
Cộng	567.796.742	1.581.833.157

c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Xem tại mục VIII.2 của thuyết minh này.

15. Chi phí phải trả

	30/6/2018	01/01/2018
	a. Ngắn hạn	4.666.804.036
Phí tổ chức bản thảo, phí bản quyền	3.518.357.028	4.237.233.969
Chi phí hoa hồng, môi giới	968.333.660	0
Trích trước chi phí lãi vay	0	3.164.552
Chi phí phải trả khác	180.113.348	
Cộng	4.666.804.036	4.240.398.521

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***16. Phải trả khác**

	<u>30/6/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a. Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	108.954.188	96.935.771
Kinh phí công đoàn	28.033.848	0
Bảo hiểm xã hội	7.502.823	8.949.758
Phải trả ngắn hạn khác	33.323.088	1.314.467.192
<i>Chi phí môi giới xúc tiến giới thiệu sách</i>	29.908.088	1.314.147.192
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	320.000	320.000
<i>Các khoản phải trả khác</i>	3.095.000	0
Cộng	<u><u>177.813.947</u></u>	<u><u>1.420.352.721</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Trong kỳ					
	30/6/2018			01/01/2018		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	0	0	37.005.905.788	41.752.733.488	4.746.827.700	4.746.827.700
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	0	0	37.005.905.788	41.752.733.488	4.746.827.700	4.746.827.700
Cộng	0	0	37.005.905.788	41.752.733.488	4.746.827.700	4.746.827.700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954 Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: đồng
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017						
Số dư tại ngày 01/01/2017	50.000.000.000	(2.907.360.967)	5.351.901.478	17.804.456.257	70.248.996.768	
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	0	12.755.505.787	12.755.505.787	
Trích lập các quỹ	0	0	644.303.622	(2.577.214.487)	(1.932.910.865)	
Số dư tại ngày 30/6/2017	50.000.000.000	(2.907.360.967)	5.996.205.100	27.982.747.557	81.071.591.690	
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018						
Số dư tại ngày 01/01/2018	50.000.000.000	(2.907.360.967)	5.811.643.939	25.160.335.640	78.064.618.612	
Lãi trong kỳ	0	0	0	13.133.431.840	13.133.431.840	
Trích lập các quỹ (*)	0	0	656.671.592	(3.454.222.799)	(2.797.551.207)	
Chia cổ tức (*)	0	0	0	(8.386.560.000)	(8.386.560.000)	
Số dư tại ngày 30/6/2018	50.000.000.000	(2.907.360.967)	6.468.315.531	26.452.984.681	80.013.939.245	

(*) Chia cổ tức, trích bổ sung Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2017 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết số 126/NQ-DEICO ngày 28/3/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng:

- Chia cổ tức năm 2017	18% vốn điều lệ	8.386.560.000	đồng
- Trích lập các quỹ		3.454.222.799	đồng
+ Trích bổ sung Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2017	6% lợi nhuận sau thuế	551.690.954	đồng
+ Trích bổ sung thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	3% lợi nhuận sau thuế	275.845.477	đồng
+ Trích Quỹ Đầu tư, phát triển	5% lợi nhuận sau thuế	656.671.592	đồng
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	10% lợi nhuận sau thuế	1.313.343.184	đồng
+ Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	5% lợi nhuận sau thuế	656.671.592	đồng

MINH
TRẦN
QUANG
TRẦN
/02/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	30/6/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	0	0
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	0	0
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.386.560.000	0

d. Cổ phiếu

	30/6/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	340.800	340.800
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	340.800	340.800
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.659.200	4.659.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2018	01/01/2018
Quỹ đầu tư phát triển	6.468.315.531	5.811.643.939
Cộng	6.468.315.531	5.811.643.939

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: đồng

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Doanh thu	67.106.636.166	76.515.822.764	92.428.620.215	93.068.596.348
Doanh thu bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	57.069.138.330	66.121.535.636	73.238.735.300	72.869.747.362
Doanh thu bán sách tham khảo	9.398.726.160	8.911.755.728	11.411.747.046	12.276.980.302
Doanh thu khác	638.771.676	1.482.531.400	7.778.137.869	7.921.868.684
Cộng	67.106.636.166	76.515.822.764	92.428.620.215	93.068.596.348

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ sách giáo khoa	661.649.880	2.132.115.360	781.784.590	2.378.449.141
Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	571.004.666	318.115.610	883.731.916	732.482.830
Hàng bán bị trả lại khác	0	25.479.600	6.136.364	25.479.600
Cộng	1.232.654.546	2.475.710.570	1.671.652.870	3.136.411.571

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Doanh thu thuần bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	56.407.488.450	63.989.420.276	72.456.950.710	70.491.298.221
Doanh thu thuần bán sách tham khảo	8.827.721.494	8.593.640.118	10.528.015.130	11.544.497.472
Doanh thu thuần khác	638.771.676	1.457.051.800	7.772.001.505	7.896.389.084
Cộng	65.873.981.620	74.040.112.194	90.756.967.345	89.932.184.777

4. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Giá vốn sách hỗ trợ sách giáo khoa	33.073.635.037	40.563.193.407	45.364.630.475	45.063.902.461
Giá vốn sách tham khảo	5.083.942.956	4.868.719.310	6.320.517.373	7.030.666.775
Giá vốn khác	167.999.310	960.730.353	7.032.889.224	7.396.800.842
Cộng	38.325.577.303	46.392.643.070	58.718.037.072	59.491.370.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Cổ tức và lợi nhuận được chia	424.365.000	475.560.000	543.865.000	595.060.000
Lãi tiền gửi	9.975.195	4.199.742	129.612.366	104.862.494
Cộng	434.340.195	479.759.742	673.477.366	699.922.494

6. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tiền lãi vay	195.497.449	229.748.656	393.110.843	486.357.444
Dự phòng, giảm giá các khoản đầu tư	541.295.000	0	541.295.000	0
Chiết khấu thanh toán	21.708.100	364.273.863	21.708.100	364.273.863
Cộng	758.500.549	594.022.519	956.113.943	850.631.307

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
a. Chi phí bán hàng				
Chi phí nhân viên	4.272.882.920	3.584.130.931	4.616.211.816	3.805.579.014
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	7.652.456	0	28.127.002	0
Chi phí khấu hao TSCĐ	125.320.079	79.375.796	255.127.079	158.767.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	929.445.390	2.295.575.472	1.107.335.521	2.451.171.249
Chi phí bằng tiền khác	1.746.197.211	324.106.972	2.510.545.126	569.766.368
Cộng	7.081.498.056	6.283.189.171	8.517.346.544	6.985.284.427
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Chi phí nhân viên quản lý	4.272.882.917	3.783.560.932	4.616.211.812	4.309.427.016
Chi phí vật liệu quản lý	57.655.980	115.607.453	103.205.135	259.195.153
Chi phí khấu hao TSCĐ	67.590.000	180.472.000	135.180.000	303.652.000
Thuế, phí và lệ phí	0	0	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	278.519.571	566.486.395	278.519.571	566.486.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.139.839	381.684.023	742.182.708	460.810.457
Chi phí bằng tiền khác	1.202.923.190	756.350.147	2.335.136.848	1.438.223.387
Cộng	6.365.711.497	5.784.160.950	8.213.436.074	7.340.794.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. Thu nhập khác

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Khách hàng hoàn trả tiền	1.461.004.000	0	1.461.004.000	0
Xử lý chênh lệch tiền lẻ khi thanh toán	373	152	933	152
Thu nhập khác	2.222	0	2.222	0
Cộng	1.461.006.595	152	1.461.007.155	152

9. Chi phí khác

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Xử lý chênh lệch tiền lẻ khi thanh toán	38.953	0	40.702	0
Chi phí khác	0	0	6.766	0
Cộng	38.953	0	47.468	0

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.554.063.550	3.277.040.955	31.855.974.207	25.420.222.877
Chi phí nhân công	8.545.765.837	7.367.691.863	9.232.423.628	8.115.006.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.910.079	259.847.796	390.307.079	462.419.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.688.600.249	17.881.573.563	12.949.110.304	36.726.697.211
Chi phí khác bằng tiền	2.013.251.777	1.088.856.301	3.819.932.869	2.015.531.884
Cộng	27.994.591.492	29.875.010.478	58.247.748.087	72.739.877.798

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.238.002.052	15.465.856.378	16.486.470.765	15.964.027.203
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	(271.765.000)	(195.059.450)	278.723.858	78.579.875
Các khoản điều chỉnh tăng	152.600.000	280.500.550	822.588.858	673.639.875
- Chi phí không được trừ	152.600.000	280.500.550	822.588.858	673.639.875
Các khoản điều chỉnh giảm	424.365.000	475.560.000	543.865.000	595.060.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	424.365.000	475.560.000	543.865.000	595.060.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	14.966.237.052	15.270.796.928	16.765.194.623	16.042.607.078
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.993.247.410	3.054.159.386	3.353.038.925	3.208.521.416
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.993.247.410	3.054.159.386	3.353.038.925	3.208.521.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.244.754.642	12.411.696.992	13.133.431.840	12.755.505.787
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.244.754.642	12.411.696.992	13.133.431.840	12.755.505.787
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	1.836.713.196	2.978.807.278	1.970.014.776	3.061.321.389
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.233,87	2.024,57	2.395,99	2.080,65
13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.244.754.642	12.411.696.992	13.133.431.840	12.755.505.787
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.244.754.642	12.411.696.992	13.133.431.840	12.755.505.787
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	1.836.713.196	2.978.807.278	1.970.014.776	3.061.321.389
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.233,87	2.024,57	2.395,99	2.080,65

(*) Năm 2017 lấy số liệu chính xác theo Nghị quyết số 126/CV-DEIDCO ngày 28/3/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và tỷ lệ trích quỹ của kết quả kinh doanh hàng quý. Năm 2018 lấy theo số tạm trích theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được thông qua ở Đại hội đồng cổ đông năm thường niên năm 2018 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng.

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2018 và 01/01/2018.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2018 và 01/01/2018.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (đ)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018		
Đồng	+200	43.111.633
Đồng	-200	(43.111.633)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017		
Đồng	+100	(14.410.731)
Đồng	-100	14.410.731

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro về nguyên vật liệu và công in

Chi phí nguyên vật liệu (chủ yếu là giấy cuộn, giấy bìa) và chi phí công in là hai khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc thay đổi giá của nguyên vật liệu cũng như dịch vụ sẽ ảnh hưởng lớn đến giá thành của thành phẩm. Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức cao. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu cũng như chi phí công in và đề xuất với Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán này, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh của Công ty là 334.500.000 đồng Việt Nam (ngày 01/01/2018 là 465.000.000 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 33.450.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 33.450.000 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

14.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: đồng

Tại ngày 30/6/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	13.348.115.244	0	0	13.348.115.244
Chi phí phải trả	4.666.804.036	0	0	4.666.804.036
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.323.088	0	0	33.323.088
Tại ngày 01/01/2018	18.048.242.368	0	0	18.048.242.368
Các khoản vay và nợ	4.746.827.700	0	0	4.746.827.700
Phải trả người bán	3.321.365.588	0	0	3.321.365.588
Chi phí phải trả	4.240.398.521	0	0	4.240.398.521
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.314.467.192	0	0	1.314.467.192
Cộng	13.623.059.001	0	0	13.623.059.001

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

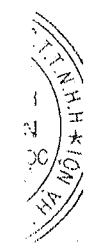
Nội dung	Giá trị ghi sổ			Đơn vị tính: đồng		
	30/6/2018	01/01/2018	30/6/2018	01/01/2018	Giá trị hợp lý	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.155.581.664	0	14.989.732.651	0	2.155.581.664	14.989.732.651
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	408.545.000	(74.045.000)	408.545.000	0	334.500.000	408.545.000
- Phải thu khách hàng	46.086.710.963	(1.625.051.909)	13.933.375.656	(1.346.532.338)	44.461.659.054	12.586.843.318
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.449.500.000	0	5.449.500.000	0	5.449.500.000	5.449.500.000
- Đầu tư dài hạn khác	13.227.750.000	(6.118.701.819)	13.227.750.000	(5.651.451.819)	7.109.048.181	7.576.298.181
- Phải thu khác	252.793.065	0	172.848.076	0	252.793.065	172.848.076
TỔNG CỘNG	67.580.880.692	(7.817.798.728)	48.181.751.383	(6.997.984.157)	59.763.081.964	41.183.767.226
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	0	0	4.746.827.700	0	0	4.746.827.700
- Phải trả người bán	13.348.115.244	0	3.321.365.588	0	13.348.115.244	3.321.365.588
- Chi phí phải trả	4.666.804.036	0	4.240.398.521	0	4.666.804.036	4.240.398.521
- Phải trả khác	33.323.088	0	1.314.467.192	0	33.323.088	1.314.467.192
TỔNG CỘNG	18.048.242.368	0	13.623.059.001	0	18.048.242.368	13.623.059.001

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/6/2018 và 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: đồng

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.005.905.788	30.250.172.870
Cộng	37.005.905.788	30.250.172.870

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	41.752.733.488	29.600.001.235
Cộng	41.752.733.488	29.600.001.235

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

a. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Đơn vị tính: đồng

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc	682.209.435	921.408.670
Cộng	682.209.435	921.408.670

b. Các giao dịch trọng yếu và số dư các bên liên quan khác trong kỳ như sau

Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Trụ sở chính: Số 81 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Giáo dục & Đào tạo. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ- TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tại thời điểm 30/6/2018, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đang nắm giữ 2.075.000 cổ phiếu tương ứng 44,54% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Các bên liên quan khác

Các Công ty trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các Công ty con do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nắm quyền chi phối.

Các Công ty liên doanh, liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

STT	Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	01/01/2018		6 tháng đầu năm 2018		30/6/2018	
				Dư nợ	Dư có	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ	Dư có
I	Phải thu Khách hàng, Người mua trả tiền trước			1.207.490.271	153.129.964	9.231.957.984	4.903.474.196	5.382.844.095	0
1	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Đơn vị trực thuộc của Nhà xuất bản	Nhận Khen thưởng, bù trừ công nợ	0	0	110.000.000	67.000.000	43.000.000	0
2	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Công ty con của Nhà xuất bản	Bán sách, bù trừ công nợ	850.974.800	0	6.474.000	403.828.600	453.620.200	0
3	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Công ty con của Nhà xuất bản	Bán sách	0	396.800	258.363.580	3.288.350	254.678.430	0
4	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Công ty con của Nhà xuất bản	Bán sách	0	0	93.311.900	40.517.000	52.794.900	0
5	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách	2.756.751	0	177.523.080	0	180.279.831	0
6	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách	30.900.800	0	0	30.900.800	0	0
7	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách	43.984.520	0	0	34.084.700	9.899.820	0
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách, bù trừ công nợ	0	0	1.800.000	1.800.000	0	0
9	Công ty Cổ phần In - Phát hành Sách Và Thiết bị Trường học Quảng Nam	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách	0	152.733.164	2.976.730.385	2.180.649.090	643.348.131	0
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách	0	0	3.504.202.300	446.604.220	3.057.598.080	0
11	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách	0	0	1.101.560.480	1.101.560.480	0	0
12	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách	6.258.000	0	697.200	6.442.800	512.400	0
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách, bù trừ công nợ	0	0	96.635.816	96.635.816	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

STT	Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	01/01/2018		6 tháng đầu năm 2018		30/6/2018	
				Dư nợ	Dư có	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ	Dư có
14	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Nhận hàng trả lại, thu tiền bán sách	21.141.200	0	0	21.141.200	0	0
15	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách, bù trừ công nợ	0	0	12.122.100	12.122.100	0	0
16	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách, bù trừ công nợ	251.474.200	0	791.320.743	406.899.040	635.895.903	0
17	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Bán sách, bù trừ công nợ	0	0	101.216.400	50.000.000	51.216.400	0
II	Phải thu khác			46.572.038	0	20.000.000	66.572.038	0	0
1	Trần Phước Chương	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	20.617.638	0	20.000.000	40.617.638	0	0
2	Lê Ngọc	Ủy viên HĐQT	Tạm ứng	18.035.326	0	0	18.035.326	0	0
3	Nguyễn Quang Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	7.919.074	0	0	7.919.074	0	0
III	Phải trả người bán, Trả trước cho người bán			93.642	1.776.637.302	18.682.672.174	24.626.818.664	0	7.720.690.150
1	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		Nhận khen thưởng, kế hoạch xuất bản, bù trừ công nợ	0	0	1.073.000.000	1.073.000.000	0	0
2	Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Nhà xuất bản	Mua vật tư, mua sách, phí quản lý xuất bản...	0	319.224.024	7.865.799.753	10.876.876.307	0	3.330.300.578
3	Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Đơn vị trực thuộc của Nhà xuất bản	Chi phí quảng cáo	0	0	5.000.000	5.000.000	0	0
4	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Công ty con của Nhà xuất bản	Mua sách	0	0	376.188.000	376.188.000	0	0
5	Công ty Cổ phần Học liệu	Công ty con của Nhà xuất bản	Mua vật tư	0	0	179.988.000	179.988.000	0	0
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Mua sách, phí biên tập sách điện tử	0	242.990.927	344.790.927	1.191.624.600	0	1.089.824.600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

STT	Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	01/01/2018		6 tháng đầu năm 2018		Đơn vị tính: đồng	
				Dư nợ	Dư có	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ	Dư có
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Mua sách	0	0	4.446.604.220	4.446.604.220	0	0
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Trả tiền hàng	0	14.445.843	14.445.843	0	0	0
9	Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đa Năng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Công in, trả tiền hàng, cổ tức	0	8.309.574	428.436.625	445.726.766	0	25.599.715
10	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Mua sách, bù trừ công nợ, trả tiền hàng	93.642	0	2.601.560.480	3.400.849.246	0	799.195.124
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Mua sách, bù trừ công nợ, trả tiền hàng	0	378.657.883	196.635.816	147.058.240	0	329.080.307
12	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Quyết toán phí tổ chức bán thảo, bù trừ công nợ, trả tiền hàng	0	808.102.561	812.122.100	1.688.037.515	0	1.684.017.976
13	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Mua sách, bù trừ công nợ	0	0	333.193.920	333.193.920	0	0
14	Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Công ty liên kết của Nhà xuất bản	Mua sách, trả tiền	0	4.906.490	4.906.490	462.671.850	0	462.671.850
IV	Vốn chủ sở hữu			0	20.750.000.000	0	0	0	20.750.000.000
I	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		Vốn góp của Nhà xuất bản	0	20.750.000.000	0	0	0	20.750.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là xuất bản, bán sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và bán các công cụ hỗ trợ giáo dục. Công ty không có chi nhánh nào nên Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	Bán sách tham khảo	Hoạt động khác	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	72.456.950.710	10.528.015.130	7.772.001.505	90.756.967.345
Doanh thu thuần bán hàng bán ra bên ngoài	72.456.950.710	10.528.015.130	7.772.001.505	90.756.967.345
2. Chi phí	58.721.858.322	8.261.326.301	8.465.635.067	75.448.819.690
Giá vốn	45.364.630.475	6.320.517.373	7.032.889.224	58.718.037.072
Chi phí phân bổ	13.357.227.847	1.940.808.928	1.432.745.843	16.730.782.618
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (3 = 1 - 2)	13.735.092.388	2.266.688.829	(693.633.562)	15.308.147.655
4. Tài sản bộ phận	87.186.112.238	12.668.166.405	9.351.906.047	109.206.184.690
Tổng tài sản	87.186.112.238	12.668.166.405	9.351.906.047	109.206.184.690
5. Nợ phải trả bộ phận	23.305.991.278	3.386.367.027	2.499.887.140	29.192.245.445
Tổng nợ phải trả	23.305.991.278	3.386.367.027	2.499.887.140	29.192.245.445

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2018 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2018 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 của Công ty đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh.

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành như sau:

Trên Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Số đã trình bày (đ/ cổ phiếu)		Số trình bày lại (đ/ cổ phiếu)	
	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.262,65	2.322,84	2.024,57	2.080,65
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.262,65	2.322,84	2.024,57	2.080,65

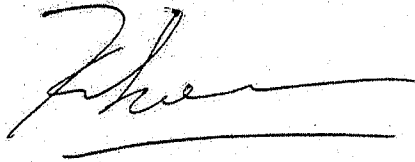
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

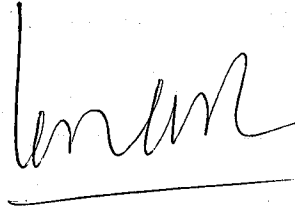
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Người lập biểu



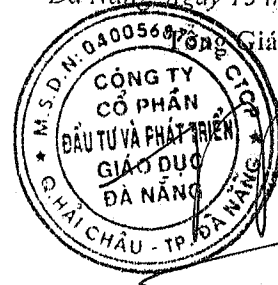
Nguyễn Hà Khiêm

Kế toán trưởng



Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2018



Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng